

Bản án số: 211/2024/HS - ST

Ngày: 29 - 11 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Thành

Ông Dương Thanh Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 191/2024/HSST ngày 06 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2024/QĐXX ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lương Văn S; giới tính: Nam; tên gọi khác: không; sinh ngày 15/5/1964, tại huyện K, tỉnh Nghệ An; nơi ĐKKHKT: Bản T, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 0/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; con ông Lương Văn V (đã chết) và bà Vi Thị V1 (đã chết); vợ là Kha Thị H, sinh năm 1974 và có 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Năm 2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 03 năm tù về tội “Mua bán người” theo Bản án số 50/2015/HSST ngày 10/6/2015. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/7/2024 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lương Thị M; giới tính: Nữ; tên gọi khác: không; sinh ngày 14/10/1985, tại huyện K, tỉnh Nghệ An; nơi ĐKKHKT: Bản T, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 0/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; con ông Lương Văn K, sinh năm 1951 (đã chết) và bà Lương Thị H1, sinh năm 1953; chồng là Lữ Văn T, sinh năm 1986 và có 03 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/7/2024 đến ngày 20/7/2024 thì được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho các bị cáo Lương Thị M và Lương Văn S: Bà Phan Thị S1 – Công tác viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N. Có mặt

- *Bị hại*: Chị Chích Thị X, sinh năm 1988; địa chỉ: Bản H, xã H, huyện K, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin vắng mặt

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại*: Ông Tạ Ngọc V2; công tác tại: Văn phòng Luật sư Tạ V2 và cộng sự, đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Tầng B, Chung cư P, phường P, quận T, thành phố Hà Nội. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 4 năm 2014, Lương Thị M gặp Lữ Thị L ở huyện K. Sau khi gặp nhau Lữ Thị L hỏi Lương Thị M có tìm được người để Lữ Thị L đưa đi Trung Quốc bán cho người Trung Quốc mua về làm vợ được không, Lữ Thị L sẽ trả công cho Lương Thị M. Lương Thị M đồng ý đi tìm người để cho Lữ Thị L đưa đi Trung Quốc bán, khi nào tìm được sẽ gọi điện báo cho Lữ Thị L. Khoảng một tháng sau Lương Thị M gặp Lương Văn S. Lương Thị M hỏi Lương Văn S có tìm được người để đưa đi Trung Quốc bán không, Lương Thị M sẽ trả cho người đi 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) và trả công cho Lương Văn S 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) một người. Lương Văn S đồng ý. Vào khoảng tháng 5 năm 2014, Lương Văn S đến gặp Chích Thị X (sinh ngày 14 tháng 8 năm 1988 trú tại bản L, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An) đang ở nhà chồng ở bản T, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An. Lúc đó, Lương Văn S hỏi Chích Thị X “có đi Trung Quốc làm việc hoặc lấy chồng không? Nếu đi sẽ được 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu) đi khoảng một năm sẽ có người đưa về”. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên Chích Thị X đồng ý.

Sau khi rủ được Chích Thị X, Lương Văn S về nhà gọi điện cho Lương Thị M nói đã tìm được người ở trong bản đồng ý đi Trung Quốc lấy chồng, Lương Thị M đồng ý và nói khi nào đi sẽ báo lại. Khoảng một tuần sau, Lương Thị M gọi điện cho Lương Văn S nói đến nhà Chích Thị X xem X có ở nhà không để Lương Thị M đưa Lữ Thị L đến xem mặt hỏi cho cụ thể. Lương Văn S đến nhà Chích Thị X, thấy X đang ở nhà nên điện thoại cho Lương Thị M và Lữ Thị L đến nhà Chích Thị X, khi vào nhà Lương Thị M hỏi Chích Thị X “Cháu có đồng ý đi Trung Quốc lấy chồng thật không. Nếu đồng ý sẽ có người trả cho cháu 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu) đi thì chuẩn bị quần áo để đi luôn”, Chích Thị X đồng ý.

Ngày hôm sau, Lữ Thị L đã đưa Chích Thị X xuống thành phố V để đón xe khách ra thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi đến thành phố M, tỉnh Quảng Ninh Lữ Thị L cùng với Chích Thị X đi theo con đường tiểu ngạch sang Trung Quốc. L đưa Chích Thị X về nhà chồng của L ở Trung Quốc. Khoảng một tuần sau Lữ Thị L đưa người đàn ông Trung Quốc đến xem mặt để mua Chích Thị X về làm vợ. Lữ Thị L đã bán Chích Thị X cho một người đàn ông Trung Quốc tên Lý D khoảng 27 tuổi ở K, H, tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc được 7 vạn nhân dân tệ (Tương đương khoảng 210.000.000 đồng tiền Việt Nam). Vào khoảng một tháng sau, Lữ Thị L ở Trung Quốc trở về Việt Nam đưa cho Lương Thị M số tiền 80.000.000 đồng như đã thỏa thuận. Sau khi nhận tiền xong, Lương Thị M đưa cho Lương Văn S 65.000.000 đồng (trong đó 60.000.000 đồng để đưa cho gia đình Chích Thị X còn 5.000.000 đồng là tiền công của Lương Văn S). Số tiền trên Lương Văn S chỉ

đưa cho gia đình Chích Thị X 30.000.000 đồng và 35.000.000 đồng còn lại Lương Văn S sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Chích Thị X lấy chồng cho đến ngày 02/10/2022 được Phòng C và Tổ chức Trẻ em Rồng xanh giải cứu đưa về nhà. Ngày 08/7/2024, Chích Thị X đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N làm đơn tố cáo Lương Văn S và Lương Thị M đã đưa Chích Thị X sang Trung Quốc bán. Ngày 11/7/2024 Lương Văn S và Lương Thị M đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Lương Thị M đã đền bù 30.000.000 đồng và Lương Văn S đền bù 30.000.000 đồng cho bị hại Chích Thị X. Người bị hại Chích Thị X không yêu cầu đền bù gì thêm và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Lương Thị M và Lương Văn S.

Với nội dung trên, Bản cáo trạng số 226/CT-VKSNA-P2, ngày 05/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định truy tố các bị cáo Lương Thị M và Lương Văn S về tội “Mua bán người” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2025;

Xử phạt bị cáo Lương Thị M từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù về tội “Mua bán người”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ từ 11/7/2024 đến ngày 20/7/2024.

Xử phạt bị cáo Lương Văn S từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù về tội “Mua bán người”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 11/7/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lương Thị M đã đền bù 30.000.000 đồng và bị cáo Lương Văn S đã đền bù 30.000.000 đồng cho bị hại Chích Thị X. Người bị hại không yêu cầu đền bù gì thêm nên không xem xét.

Trong vụ án này, Lương Thị M hưởng lợi 15.000.000 và Lương Văn S hưởng lợi 35.000.000 đồng từ việc bán chị X, nên cần truy thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo không tranh luận về chứng cứ và tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo; các bị cáo là người dân tộc thiểu số và bị lôi kéo tham gia cùng với người phụ nữ tên Lữ Thị L; sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú; các bị cáo đã đền bù đầy đủ cho bị hại, bị hại cũng đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đề nghị cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất và miễn án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Lương Thị M và Lương Văn S hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, người bị hại, người làm chứng trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng tháng 5/2014, Lương Văn S và Lương Thị M đã giới thiệu đưa Chích Thị X (sinh ngày 14 tháng 8 năm 1988, trú tại bản L, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An) cho Lữ Thị L đưa sang Trung Quốc bán cho một người đàn ông Trung Quốc lấy làm vợ với giá 7 vạn nhân dân tệ (Tương đương 210.000.000 đồng tiền Việt Nam). Sau khi bán được Chích Thị X, Lữ Thị L trở về Việt Nam đưa cho Lương Thị M 80.000.000 đồng. Lương Thị M đưa cho Lương Văn S 65.000.000 đồng (trong đó 60.000.000 đồng để đưa cho gia đình Chích Thị X còn 5.000.000 đồng là tiền công của Lương Văn S). Sau khi nhận tiền, Lương Văn S chỉ đưa cho gia đình Chích Thị X 30.000.000 đồng (còn lại 35.000.000 đồng còn lại Lương Văn S sử dụng chi tiêu cá nhân hết). Số tiền Lương Thị Mái được hưởng lợi 15.000.000 đồng, Lương Văn S được hưởng lợi 35.000.000 đồng từ việc bán Chích Thị X đi Trung Quốc.

Như vậy, Lương Thị M và Lương Văn S có hành vi tìm và giới thiệu chị Chích Thị X cho Lữ Thị L, để L đưa chị X sang Trung Quốc với mục đích bán cho người khác làm vợ nên phạm vào tội “Mua bán người” với tình tiết định khung “Để đưa ra nước ngoài” như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố là đúng pháp luật. Do hành vi phạm tội diễn ra vào năm 2014, áp dụng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để xét xử các bị cáo là đúng pháp luật.

[2] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo trong quá trình điều tra khai báo thành khẩn; sau khi bị phát hiện đã đến công an đầu thú; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền 60.000.000 đồng và được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Xét hành vi, vai trò phạm tội của các bị cáo Lương Thị M và Lương Văn S: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền tự do, danh dự, nhân phẩm của con người được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục, truyền thống của người phụ nữ Việt Nam, gây dư luận xấu, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc làm của mình là sai trái nhưng vì vụ lợi cá nhân mà coi thường pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Vụ án đồng phạm có tính giản đơn, Đối tượng Lữ Thị L là người cầm đầu, chủ mưu, phân công sắp xếp nhiệm vụ, hưởng lợi bất chính nhiều nhất nên chịu trách nhiệm chính trong vụ án; bị cáo Lương Văn S, là người trực tiếp gặp bị hại Chích Thị X để đề cập đi Trung Quốc làm việc hoặc lấy chồng, bị cáo hưởng lợi nhiều hơn bị cáo Lương Thị M, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm cao hơn; bị cáo có nhân thân xấu cùng tình chất hành vi, năm 2015 đã bị xử phạt về tội “Mua bán người” nhưng không lấy đó làm bài học mà nay tiếp tục phạm tội. Do đó, cần áp dụng hình phạt như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

Bị cáo Lương Thị M tham gia trong việc tìm và giới thiệu đưa bị hại cho Lữ Thị L, được hưởng lợi ít hơn bị cáo S nên chịu trách nhiệm thứ yếu. Xét thấy, bị cáo Lương Thị M có vai trò thứ yếu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đang nuôi con nhỏ. Do đó cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và chuyển sang khung hình phạt liền kề nhẹ hơn thể hiện sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo cố gắng cải tạo sớm có cơ hội trở về với gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Lương Thị M và Lương Văn S đều là người dân tộc thiểu số, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp: Số tiền các bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán Chích

Thị Xoa, cụ thể bị cáo Lương Thị M 15.000.000 đồng và Lương Văn S 35.000.000 đồng cần truy thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Trách nhiệm dân sự: Lương Thị M đã đền bù 30.000.000 đồng và Lương Văn S đền bù 30.000.000 đồng cho bị hại Chích Thị X. Quá trình điều tra đến nay bị hại Chích Thị X không yêu cầu đền bù gì thêm nên Tòa án không xem xét.

[7] Trong vụ án còn có người phụ nữ tên Lữ Thị L là người chủ mưu, đã trực tiếp bán Chích Thị X cho người đàn ông Trung Quốc tên Lý D mua về làm vợ nhưng hiện nay chưa xác định được lai lịch địa chỉ của Lữ Thị L, nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo, các bị cáo và đại diện hợp pháp của người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Án phí: Các bị cáo Lương Thị M, Lương Văn S là người dân tộc thiểu số, sống tại xã thuộc vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, theo quy định tại Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án thì các bị cáo được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lương Văn S 05 (Năm) năm tù về tội “Mua bán người”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 11/7/2024.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lương Thị M 04 (B) năm tù về tội “Mua bán người”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ từ 11/7/2024 đến ngày 20/7/2024.

2. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo Lương Thị M và Lương Văn S.

3. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Chích Thị X không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét.

4. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự: Truy thu số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) của bị cáo Lương Thị M và số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) của bị cáo Lương Văn S nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí. Các bị cáo Lương Thị M, Lương Văn S không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Người bị hại
- Bị cáo
- UBND xã Chiêu Lưu, huyện Kỳ Sơn;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Trang